TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 161/2019/DS-PT
Ngày: 18 - 6 - 2019
V/v "Tranh chấp đòi tài sản là quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hà
Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Phương Loan
Ông Phạm Việt Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Kim Yến là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Dễ - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 và ngày 18 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2019/TLPT-DS ngày 22 tháng 3 năm 2019 về việc "Tranh chấp đòi tài sản là quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2019/DS-ST ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2019/QĐPT-DS ngày 28 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Bình T1 – sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Khóm 3, phường T, thành phố C, tỉnh C .

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Hoàng P, sinh năm: 1953, địa chỉ: đường Huỳnh Tấn P, khóm 5, phường 1, thành phố C, tỉnh C. Theo văn bản ủy quyền ngày 19/3/2018 (có mặt).

***Bị đơn*:** Bà Hồng Thị T2, sinh năm: 1958 (có mặt).

Địa chỉ: xã T, thành phố C, tỉnh C

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T2: ông Nguyễn Thanh Hùng – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cà Mau (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Hồng Thanh L1, sinh năm: 1960 (vắng mặt).

2/ Bà Phan Hồng L2, sinh năm: 1965 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: xã T, thành phố C, tỉnh C.

3/ Bà Nguyễn Kiều T3 – sinh năm: 1977. Địa chỉ: Số 86, đường L, khóm 7, phường 6, thành phố C, tỉnh C ..

Người đại diện hợp pháp bà Nguyễn Kiều T3: Ông Trần Hoàng P, sinh năm: 1953, địa chỉ: đường Huỳnh Tấn P, khóm 5, phường 1, thành phố C, tỉnh C. Theo văn bản ủy quyền ngày 19/3/2018 (có mặt).

4/ Ông Nguyễn Ngọc V, sinh năm 1972, địa chỉ: Xã T, thành phố C, tỉnh C (Không triệu tập).

5/ Bà Trần Thị Bích Y, sinh năm 1972, địa chỉ: Xã T, thành phố C, tỉnh C (Không triệu tập).

6/ Ủy ban nhân dân Thành phố C

Địa chỉ: Số 77, đường N, khóm 1, phường 9, thành phố C, tỉnh C.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thanh Danh, chức vụ: Phó phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố C theo văn bản ủy quyền số 140/UBND-GUQ ngày 19/7/2018. (Không triệu tập)

7/ Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam

Địa chỉ: Số 198, Trần Quang Khải, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngiêm Xuân Thành, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Duy L3, chức vụ: Trưởng phòng khách hàng bán lẻ thuộc Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Cà Mau theo văn bản ủy quyền số 26/GUQ-CMA ngày 24/12/2018 (Không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/8/2013 của ông Nguyễn Bình T1, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như ý kiến bổ sung tại phiên tòa, ông Trần Hoàng P đại diện theo ủy quyền của ông T1 và bà Trang trình bày: Vào ngày 27/8/2013 ông Nguyễn Bình T1 và bà Nguyễn Kiều T3 có nhận chuyển nhượng của ông Hồng Thanh L1 và bà Nguyễn Thị Liên (Phan Hồng L 2) phần đất diện tích 3.950m^2, đất thuộc thửa số 053, tờ bản đồ số 06, phần đất tọa lạc tại ấp 4, xã Tân Thành, thành phố Cà Mau. Phần đất này đã được Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 379838, ngày 8/5/2001 cho ông Hồng Thanh L1 đứng tên và được Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xác nhận những thay đổi, cấp quyền sử dụng phần đất này cho ông T1 và bà Trang (theo hồ sơ gốc số 3497/2013 theo bản đồ số 2009, thửa số 19, 26, tờ bản đồ số 16). Giá chuyển nhượng 140.000.000đ và từ khi chuyển nhượng ông L1, bà L2 đã giao đất cho ông T1, bà T3, việc giao đất không lập thành văn bản, chỉ thỏa thuận bằng lời nói, nhưng thực tế ông T1, bà T3 chưa nhận đất này, ông L1, bà L2 vẫn tiếp tục ở và sử dụng phần đất, trên cơ sở thỏa thuận không lập thành văn bản ông T1, bà T3 cho ông L1 thuê lại 01 năm với giá thuê 21.000.000đ. Nếu sau 01 năm ông L1 muốn thuê nữa thì trả đủ tiền thuê và nhận thuê lại như giá cũ. Nếu muốn nhận chuyển nhượng lại thì trả cho ông T1 số tiền 200.000.000đ. Việc có thỏa thuận chuyển nhượng lại là vì khi chuyển nhượng

do ông L1, bà L2 đang khó khăn về kinh tế, khi nào ông L1, bà L2 có điều kiện sẽ nhận chuyển nhượng lại cũng với giá 200.000.000đ. Sau khi thuê được 01 năm, không nhớ rõ thời gian cụ thể, ông L1, bà L2 có trả cho ông T1, bà T3 tiền thuê đất 20.000.000đ, còn thiếu lại 1.000.000đ. Sau đó, ông L1, bà L2 không tiếp tục thuê và cũng không nhận chuyển nhượng lại mà ông L1 bỏ địa phương đi và bà T2 chiếm ở, không giao trả cho ông T1, bà T3.

Nay ông T1 khởi kiện yêu cầu buộc bà Hồng Thị T2 phải di dời nhà, trả cho ông T1, bà T3 phần đất diện tích 3.950m^2, đất tọa lạc tại ấp 4, xã Tân Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, đất thuộc thửa số 053, tờ bản đồ số 06. Không yêu cầu gì đối với ông L1 bà Liên.

* Tại các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bà Hồng Thị T2 trình bày: Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì 3.950m^2 đất này do cha mẹ của bà là ông Hồng Đại Khải (Hồng Văn Khải) và bà Hồng Thị Nhẫm có được do ông nội Hồng Quảng Hố (Hồng Văn Minh) khai phá để lại. Ông nội bà chia phần đất này cho người bác thứ 3 của bà tên Hồng Văn Nguyện (Hồng Thiện Nguyện) ngang khoảng 37m, dài hết đất và cho cha bà ngang 21m, dài hết đất cụ thể diện tích bà không xác định được, có căn nhà để thờ cúng hiện nay bà đang ở (nhà này hiện nay đã được sửa chữa lại). Ông L1 là em ruột của bà cùng bà và cha mẹ ở phần đất này từ nhỏ và đến khoảng năm 1999, ông L1 lập gia đình với bà Phan Hồng L2, cuộc sống hàng ngày ông L1 có nợ nần và có hành vi ngược đãi cha mẹ nên cha mẹ cùng gia đình có cuộc họp gia đình ngày 10/9/2000 dương lịch thống nhất cho ông L1 làm nhà ở riêng trên phần đất trong diện tích đất 3.950m^2 (ngang 10, dài hết hậu khoảng 45m vị trí thuộc phạm vi phần đất ông nội cho bác 3 tên Hồng Thiện Nguyện nói trên) bà tiếp tục ở trong căn nhà thờ cúng, trực tiếp chăm sóc cha mẹ cho đến nay nên không có việc bà chiếm đất như nguyên đơn khởi kiện. Giữa ông T1, bà T3 với ông L1, bà L2 là hợp đồng vay số tiền 140.000.000đ, lãi 7.000.000đ/tháng, số tiền 21.000.000đ là tiền lãi của 03 tháng, không phải là chuyển nhượng quyền sử dụng đất cũng không phải tiền thuê đất như đại diện nguyên đơn trình bày. Việc ông L1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 08/5/2001 là trên cơ sở biên bản họp gia đình ngày 30/12/2000 do ông L1 và ông Hồng Văn Sạng cùng lập, tại biên bản ông Sạng là người ký khống vào văn bản này để ký thay cho cha, mẹ bà và bà, bà và cha mẹ bà hoàn toàn không biết, không tham dự cuộc họp. Cha, mẹ bà không cho ông L1 toàn bộ 3.950m^2 đất, mà cho bà quyền sử dụng một phần nằm trong diện tích 3.950m^2, nên việc cấp giấy chứng nhận toàn bộ quyền sử dụng đất cho ông L1 là không đúng quy định pháp luật. Cha bà chết năm 2001 và mẹ bà chết năm 2008. Bà yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Hồng Thanh L1 ngày 08/5/2001; Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Bình T1, bà Nguyễn Kiều T3 theo chỉnh lý ngày 27/8/2013; yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Hồng Thanh L1 cho ông Nguyễn Bình T1 vô hiệu.

Tại biên bản ghi ý kiến ngày 17/10/2018 và tại phiên tòa, ông Nguyễn Ngọc Văn và bà Trần Thị Bích Yên trình bày: Vào năm 2012 ông bà có thỏa thuận với ông L1 để nhận chuyển nhượng phần đất ngang 15m dài 30m với giá 64.500.000đ. Ông bà đã trả tiền cho ông L1 40.000.000đ, hợp đồng chuyển nhượng không làm đúng quy định, chỉ làm giấy tay nhưng địa phương không xác nhận vì lúc này ông L1 và bà Thoa đang tranh chấp đất với nhau. Do không thực hiện được thỏa thuận chuyển nhượng nên năm 2013 ông bà có yêu cầu ông L1 trả lại 40.000.000đ, ông L1 không có tiền trả lại nên ông L1 đã đo và cắm mốc giao cho ông bà phần đất ngang 10m dài 30m, việc giao đất có làm biên bản với nhau. Sau khi được ông L1 giao đất, ông bà đã canh tác trên đất này khoảng 01 năm từ năm 2014 đến 2015 để nuôi cá, từ năm 2015 đến nay thì ông bà không sử dụng đất này. Ông bà có yêu cầu ông L1 giao đất, nếu không được thì trả lại tiền 40.000.000đ nhưng đến nay ông L1 vẫn chưa thực hiện. Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, ông bà tự thỏa thuận với ông L1.

Tại biên bản tự khai ngày 25/12/2018 ông Trần Duy L3 đại diện theo ủy quyền của ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam trình bày: quyền sử dụng phần đất 3.950m^2, tọa lạc tại ấp 4, xã Tân Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, thuộc thửa số 053, tờ bản đồ số 06 ông T1 và bà Trang đã thế chấp cùng nhiều tài sản khác để bảo đảm cho Công ty TNHH một thành viên Thủy sản Hương Đạt vay vốn tại ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam chi nhánh Cà Mau. Hợp đồng vay vốn đang được thực hiện đúng, không vi phạm. Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam không yêu cầu gì trong vụ án này. Đề nghị Toa án hòa giải xét xử vụ án vắng mặt đại diện ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2019/DS-ST ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau đã quyết định:

Căn cứ Điều 100, Điều 203 Luật đất đai; Các Điều 26, 147, 192, 200, 217, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Toà án:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà Hồng Thị T2 trả cho ông Nguyễn Bình T1 phần đất diện tích 3.950m^2, đất thuộc thửa số 053, tờ bản đồ số 06, phần đất tọa lạc tại ấp 4, xã Tân Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Đình chỉ yêu cầu phản tố của bà Hồng Thị T2 về việc tuyên bố vô hiệu đối với Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 3.950m^2, đất thuộc thửa số 053, tờ bản đồ số 06, phần đất tọa lạc tại ấp 4, xã Tân Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau giữa ông Hồng Thanh L1 và bà Phan Hồng L2 với ông Nguyễn Bình T1 và bà Nguyễn Kiều T3.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 29/01/2019 ông Nguyễn Bình T1 kháng cáo với nội dung cụ Khải khi còn sống đã cho đất ông L1; vợ chồng ông đã nhận chuyển nhượng đất hợp pháp

và đã thực hiện thủ tục để được cấp quyền sử dụng đúng trình tự pháp luật, bà T2 ở trên đất không hợp pháp. Đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông, buộc bà T2 trả cho ông và bà T3 diện tích đất 3.950m^2, tại thửa số 053, tờ bản đồ 06, tọa lạc ấp 4, xã Tân Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Bình T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Tại phiên tòa phía ông T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo với lý do bà T2 chiếm đất ở bất hợp pháp, đất do ông T1 nhận chuyển nhượng là đúng theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu của ông T1 về việc bà T2 chiếm quyền sử dụng đất bất hợp pháp thấy rằng: Khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất ông T1 không xuống thực địa nhận đất cũng như ông T1 biết được trên đất có hai căn nhà nhưng ông T1 không tìm hiểu là nhà của ai. Việc ông T1 cho rằng bà T2 chiếm đất thì bà T2 xác định bà đã ở trên đất từ khi cha mẹ bà còn sống và trước thời điểm ông T1 chuyển nhượng, trong gia đình cũng đã phát sinh tranh chấp với ông L1. Lời trình bày của bà T2 phù hợp với biên bản họp thân tộc ngày 25/01/2012, có nội dung bà T2 đang ở trên đất và có chính quyền địa phương xác nhận, đồng thời Tòa án tiến hành xác minh những người sống lân cận với bà T2 cũng xác nhận bà T2 từ trước đến nay đều sinh sống trên đất tranh chấp, lời trình bày của bà T2 cũng phù hợp với lời trình bày của ông V là người chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông L1 trước ông T1 cũng xác định thời điểm đầu năm 2012 khi ông chuyển nhượng đã phát sinh tranh chấp nên chính quyền địa phương không cho chuyển nhượng (BL 64). Bà T2 cũng chứng minh là bà đã tranh chấp với ông L1 vào năm 2012 (BL 53), bản gốc của biên bản hòa giải tranh chấp đất đai không còn, Tòa án đã tiến hành xác minh thành phần tham gia hòa giải tranh chấp thì những người tham gia xác nhận nội dung đúng như lời trình bày của bà T2. Do đó lời trình bày của phía ông T1 về việc bà T2 vào chiếm đất ở là không có cơ sở chấp nhận.

[2] Xét tranh luận của phía ông T1 cho rằng ông T1 chuyển nhượng quyền sử dụng đất là hợp pháp, pháp luật phải bảo vệ người ngay tình và phía bà T2 tranh luận cho rằng ông L1 đứng tên quyền sử dụng đất là bất hợp pháp, ông L1 làm giả tạo biên bản ngày 30/12/2000 để nhằm chiếm đoạt quyền sử dụng đất. Pháp luật

không thể bảo vệ việc làm sai trái của ông L1 để chấp nhận việc ông L1 chuyển nhượng hợp pháp cho ông T1. Hội đồng xét xử thấy rằng: Mặc dù trình tự chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông L1 và ông T1, bà T3 là tuân theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên khi thực hiện xong thủ tục nhưng giữa hai bên không tiến hành giao nhận đất chuyển nhượng, ông T1 và bà T3 không nhận được đất, ông T1 trình bày ông L1 vẫn ở trên đất và ông L1 hứa bàn giao đất bằng lời nói (BL 15, 46, 47). Theo lời khai của ông T1 tại cơ quan điều tra ngày 26/5/2014 thể hiện nội dung *"...vào khoản tháng 9 năm 2013 ông đến ấp 4 xã Tân Thành nhận đất thì có bà T2 đang nuôi mẹ ruột của ông L1 đang ở đó, bà T2 không chịu giao đất...Tôi có đến trực tiếp gặp ông L1 tại xã Tân Thành, có biên bản hòa giải thì ông L1 có hứa trả cho tôi 200.000.000 đồng..."* Như vậy chính lời trình bày của ông T1 đã thể hiện nội dung ngày 04/12/2013 ông L1 không giao đất và ông L1 hứa sẽ giao đất, sau đó ông L1 vẫn không thực hiện. Ông T1 đã có đơn khởi kiện ông L1 thực hiện hợp đồng, yêu cầu giao đất cho ông và sau đó ông T1 đã rút đơn khởi kiện. Do đó, không có cơ sở chấp nhận lời tranh luận của phía ông T1. Nếu ông T1 xét thấy hiện nay quyền và lợi ích hợp pháp của ông bị thiệt hại từ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông L1 thì ông T1 có quyền khởi kiện lại đối với ông L1 và bà L2.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Như phân tích trên quan điểm của Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ vào Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, kháng cáo của ông T1 không được chấp nhận nên ông T1 phải chịu án phí là 300.000 đồng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Bình T1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 07/2019/DS-ST ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Căn cứ Điều 100, Điều 203 Luật đất đai; Các Điều 26, 147, 192, 200, 217, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà Hồng Thị T2 trả cho ông Nguyễn Bình T1 phần đất diện tích 3.950m^2, đất thuộc thửa số 053, tờ bản đồ số 06, phần đất tọa lạc tại ấp 4, xã Tân Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Đình chỉ yêu cầu phản tố của bà Hồng Thị T2 về việc tuyên bố vô hiệu đối với Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 3.950m^2, đất thuộc thửa số 053, tờ bản đồ số 06, phần đất tọa lạc tại ấp 4, xã Tân Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau giữa ông Hồng Thanh L1 và bà Phan Hồng L2 với ông Nguyễn Bình T1 và bà Nguyễn Kiều T3.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí dân sự có giá ngạch 43.192.000đ *(bốn mươi ba triệu một trăm chín mươi hai ngàn đồng)* ông Nguyễn Bình T1 phải nộp, ngày 15/5/2018 ông Nguyễn Bình T1 đã nộp tạm ứng án phí số tiền 3.950.000đ *(Ba triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng)* theo biên lai thu số 0002409 tại chi cục thi hành án Dân sự thành phố Cà Mau được đối trừ chuyển thu, ông Nguyễn Bình T1 tiếp tục phải nộp án phí số tiền 39.242.000đ *(Ba mươi chín triệu hai trăm bốn mươi hai ngàn đồng)*

Bà Hồng Thị T2 được nhận lại tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu phản tố đã nộp ngày 19/7/2018, số tiền 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* theo lai thu số 0002700 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Bình T1 phải chịu án phí 300.000 đồng, ông T1 đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002009 ngày 29/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT, (TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Hải Hà

Thành viên hội đồng xét xử **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Bùi Thị Phương Loan **Phạm Việt Trung** **Hoàng Thị Hải Hà**